TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 1 - HƯNG YÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N** **Độc lập – Tự do – Hạnh P**
Số: 29/2025/QĐST-HNGĐ	*Hưng Yên, ngày 08 tháng 8 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 26/2025/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 7 năm 2025 giữa:

Nguyên đơn: Anh La Quang N, sinh năm 1994.

Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Kim L, sinh năm 1994.

Đều có HKTT: Thôn D, xã T, tỉnh Hưng Yên.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ L quan: Cháu La Minh P, sinh ngày 28/01/2024.

Người đại diện hợp pháp cho cháu P: Anh La Quang N và chị Nguyễn Thị Kim L - Bố, mẹ đẻ của cháu.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 51, 55; 57, 58, 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 31 tháng 7 năm 2025.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 31 tháng 7 năm 2025 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Anh La Quang N và chị Nguyễn Thị Kim L.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh La Quang N và chị Nguyễn Thị Kim L thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu La Minh P, sinh ngày 28/01/2024, hiện cháu P đang ở cùng với chị L. Anh chị thống nhất thỏa thuận giao cho chị L tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc cháu P cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Anh N tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung với chị L là 2.000.000đồng/tháng, tính từ tháng 8/2025 cho đến khi cháu P đủ 18 tuổi.

Anh La Quang N được quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật, chị L có đơn yêu cầu thi hành án hợp lệ đối với khoản tiền cấp dưỡng nuôi con. Nếu anh N không thi hành thì còn phải chịu lãi suất phát sinh do chậm trả tiền tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian và số tiền chưa thi hành theo quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

- Về tài sản chung, công sức, nợ chung: Anh N, chị L không yêu cầu giải quyết.

- Về án phí: Nguyên đơn anh La Quang N tự nguyện chịu toàn bộ 150.000đồng án phí sơ thẩm ly hôn và 150.000đồng án phí cấp dưỡng nuôi con. Tổng số tiền án phí anh N phải nộp là 300.000đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đồng tại biên lai ký hiệu BLTU/24 số 0004131 ngày 15/7/2025 của Phòng Thi hành án dân sự khu vực 1-Hưng Yên. Anh N đã nộp đủ án phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục P thẩm.

Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND khu vực 1- Hưng Yên;
- Phòng THA dân sự khu vực 1 - Hưng Yên;
- UBND xã T, tỉnh Hưng Yên
(xã H cũ - GCNKH số 24/2023);
- Phòng KTNV Tòa án tỉnh;
- Lưu hồ sơ vụ án;

THẨM PHÁN

Nguyễn Minh Ngọc